

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-PT
Ngày: 02-3-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Toà án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 624/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21/2021/QĐ-PT ngày 26/01/2021 và số 57/2021/QĐ-PT ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 59 Tỉnh lộ 838, Khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Võ Thị H: Luật sư Nguyễn Hòa B - Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh LA.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Văn B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

2/ Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

3/ Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

4/ Bà Nguyễn Thị Kiều Th2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp 3, xã BT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ng.

(Ông Đ, bà Ng, ông B có mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị H do ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Võ Thị H (tên thường gọi là 8 L), có cho bà Nguyễn Thị Ng vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15-6-2018 bà Ng vay 137.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16-10-2018 bà Ng vay 50.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22-10-2018 bà Ng vay số tiền 115.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 30-10-2018 bà Ng vay 100.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 31-10-2018 bà Ng vay 40.000.000 đồng.

Năm lần vay này, bà Ng tự viết biên nhận ký tên và nhận tiền trực tiếp từ bà H. Trong đó lần 2 và lần 3 ghi chung 01 giấy, cộng lại thành 165.000.000 đồng; lần 4 và lần 5 ghi chung 01 giấy cộng lại thành 140.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 09-11-2018 bà Ng vay 280.000.000 đồng. Bà Ng viết biên nhận, bà Ng và ông R có ký tên. Vì bà H yêu cầu phải có ông B là chồng bà Ng ký tên thì bà Ng nói không có chồng ở nhà nên nhờ ông R (anh ruột bà Ng) ký tên. Tiền bà Ng nhận, ông R không nhận tiền mà chỉ ký tên như người làm chứng.

Lần 7: Ngày 11-6-2019 bà Ng và ông B (chồng bà Ng) vay 300.000.000 đồng. Bà Ng viết biên nhận, bà Ng và ông B cùng ký tên.

Tổng số tiền bà Ng đã vay 1.022.000.000 đồng. Mục đích vay để bà Ng làm vốn đặt cọc mua đất. Hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận. Tất cả các khoản vay bà Ng chưa trả gốc và lãi cho bà H. Bà H nhiều lần yêu cầu bà Ng trả tiền nhưng bà Ng không trả. Sau đó bà Ng nói có đưa cho cháu bà Ng là Nguyễn Thị Kiều Th2 và Nguyễn Văn Th1 vay lại 490.000.000 đồng, phần còn lại là nợ của bà Ng. Bà Th2, ông Th1 viết biên nhận ngày 29-9-2019 nhận số nợ 490.000.000 đồng và có trả cho bà H 100.000.000 đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu bà Ng và ông B trả: 1.022.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay cuối cùng 11-6-2019 Đ ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng. Bà H không có yêu cầu gì đối với ông R, không yêu cầu ông R trả tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà H cho rằng bà H rút lại một phần nội dung khởi kiện đối với bà Ng về số tiền gốc 100.000.000 đồng mà bà Th2, ông Th1 đã trả. Tiền lãi vẫn yêu cầu tính trên tổng số tiền 1.022.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng từ ngày 11-6-2019 Đ ngày xét xử sơ thẩm. Hiện bà H chỉ yêu cầu bà Ng và ông B trả 922.000.000 đồng tiền gốc và 157.387.999 đồng tiền lãi. Bà Th2, ông Th1 đã nhận trả 390.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-9-2019 nhưng bà Ng là người nhận tiền trực tiếp từ bà H, bà H không biết bà Th2, ông Th1 là ai, chỉ biết sau khi bà H đề nghị cho nhận nợ nên bà H vẫn yêu cầu bà Ng, ông B trả nợ cho bà H. Việc bà Th2, ông Th1 tự nguyện đồng ý trả cho bà H 390.000.000 đồng tiền gốc là quyền tự quyết định của bà Th2, ông Th1, bà H không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà có vay tiền của bà H (tên thường gọi 8 L) nhiều lần nhưng vay ngày nào không nhớ, mỗi lần vay bao nhiêu tiền không nhớ. Tất cả các khoản vay đều thỏa thuận miệng lãi suất 8%/tháng. Bà Ng đã trả cho bà H 532.000.000 đồng tiền gốc và 119.000.000 đồng tiền lãi nhưng không biết trả bao nhiêu lần, trả ngày nào vì vay từng lần trả xong mới vay lần sau, mỗi lần trả không làm biên nhận, bà H cũng không trả lại giấy vay cho bà Ng. Đ nay bà chỉ còn thiếu lại 490.000.000 đồng là vay dùm bà Th2, ông Th1. Ngày 29-9-2019, bà Th2 và ông Th1 gặp bà H để chốt nợ tại nhà bà, có viết biên nhận chốt nợ số tiền 490.000.000 đồng. Bà Th2 và ông Th1 đã trả cho bà H 100.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H vì bà đã trả xong nợ cho bà H, phần còn lại 390.000.000 đồng tiền gốc bà Th2, ông Th1 phải trả cho bà H, không liên quan Đ bà. Bà không có yêu cầu gì đối với ông R.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn B trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông có ký tên vào giấy nợ ngày 11-6-2019 với số tiền 300.000.000 đồng nhưng là vay dùm bà Th2, ông Th1. Bà Th2, ông Th1 đã chốt nợ với bà H xong nên ông không liên quan Đ số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kiều Th2 và Nguyễn Văn Th1 trình bày: Ông, bà không biết việc vay tiền giữa bà Ng và bà H. Ông, bà có nhờ bà Ng vay tiền nhiều lần nhưng không biết vay của ai, vay vào ngày nào, từng lần cụ thể là bao nhiêu tiền. Ngày 29-9-2019, khi bà Ng không đủ khả năng trả lãi đã yêu cầu ông, bà Đ gặp bà H (8 L) để nhận phần nợ mà bà Ng cho rằng đã vay dùm cho ông, bà. Bà Th2 ghi biên nhận nợ ngày 29-9-2019 với số tiền 490.000.000 đồng gốc và 218.000.000 đồng tiền lãi, bà Th2, ông Th1 cùng ký tên vào biên nhận. Ông, bà đã trả cho bà H 100.000.000 đồng trong ngày 29-9-2019. Nay ông, bà đồng ý trả cho bà H 390.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý trả lãi vì hoàn cảnh rất khó khăn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân huyện ĐH đã căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469, 470, 288 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền 100.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với tổng số tiền 956.300.182 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền lãi 123.087.817 đồng .

- Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 tự nguyện trả tiền cho bà H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Võ Văn B phải trả cho bà Võ Thị H tổng cộng 538.911.141 đồng (năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi một đồng) gồm 532.000.000 đồng tiền gốc và 6.911.141 đồng tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 phải liên đới trả cho bà Võ Thị H tổng cộng 417.389.041 đồng (bốn trăm mười bảy triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) gồm 390.000.000 đồng tiền gốc và 27.389.041 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Th2 hành án có quyền chủ động ra quyết định Th2 hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Th2 hành án của người được Th2 hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th2 hành án) cho Đ khi Th2 hành án xong, bên phải Th2 hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th2 hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Võ Thị H phải chịu 6.154.390 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp 21.330.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005209 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, khấu trừ án phí với tiền tạm ứng án phí, trả lại cho bà H 15.175.610 đồng (mười lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng và ông Võ Văn B phải chịu 25.556.445 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 phải liên đới chịu 20.695.561 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn Th2 hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06/10/2020, bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì số tiền nợ từ trước đến nay bà đã trả hết cho bà H nhưng không giữ lại biên nhận nợ và số tiền 490.000.000 đồng thì ông Th1, bà Th2 và bà H đã chốt nợ ngày 29/9/2019 với nội dung “tôi đã trả hết nợ cho bà H, chỉ còn số tiền 390.000.000 đồng”. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng không tranh luận, chỉ đề nghị xem xét là bà đã trả hết nợ cho bà Võ Thị H.

- Luật sư Nguyễn Văn B tranh luận bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Võ Thị H: Thực tế bà Nguyễn Thị Ng và bà Võ Thị H xác lập quan hệ vay tài sản. Theo đó, bà H cho bà Ng vay tổng cộng số tiền 1.022.000.000 đồng, bà Ng có ký các biên nhận nợ. Bà Ng cho rằng đã trả hết nợ cho bà H nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Bà Ng còn cho rằng, bà H ăn cắp giấy biên nhận nợ nhưng không tiến hành báo Công an nên việc bà Ng trình bày là không có cơ sở.

Đồng thời tại biên bản đối chất của Tòa án cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 thừa nhận có nhờ bà Nguyễn Thị Ng vay dùm số tiền 490.000.000 đồng, còn việc vay mượn giữa bà Ng và bà H thì bà Th2 và ông Th1 không biết. Điều này chứng tỏ khoản tiền 490.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận ngày 29/9/2019 là độc lập, không phải chốt các khoản nợ giữa bà Ng và bà H như bà Ng trình bày.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Ng, giữ nguyên án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bà H.

- Ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà Ng thừa nhận 05 tờ biên nhận ghi 07 ngày gồm 15-6-2018, 16-10-2018, 22-10-2018, 30-10-2018, 31-10-2018, 09-11-2018 và 11-6-2019, tổng số lần vay tiền là 7, tổng số tiền vay là 1.022.000.000 đồng mà bà H cung cấp là do bà Ng tự viết và ký tên. Như vậy có cơ sở xác định bà Ng có vay của bà H tổng cộng 1.022.000.000 đồng, bà Th2 và ông Th1 đã trả cho bà H 100.000.000 đồng, còn lại 922.000.000 đồng. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy

định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Ng cho rằng đã trả tiền xong cho bà H, chỉ còn lại phần của bà Th2, ông Th1 nên bà H mới cho bà Th2, ông Th1 chốt nhận nợ 490.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng còn lại 390.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho bà H. Nội dung biên nhận ngày 29-9-2019 chỉ ghi bà Th2, ông Th1 lãnh số nợ 490.000.000 đồng mà không thể hiện nội dung sau khi bà Ng trả xong phần nợ của bà Ng thì còn lại 490.000.000 đồng của bà Th2, ông Th1 như bà Ng trình bày. Bà Ng xác định mục đích vay tiền để lấy vốn làm ăn, ông B là chồng bà Ng. Trong các biên nhận vay tiền có biên nhận ngày 11-6-2019 có ông B cùng ký tên. Vì vậy cần buộc bà Ng và ông B phải trả cho bà H 532.000.000 đồng và lãi; Bà Ng, bà Th2, ông Th1 trả 890.000.000 đồng và lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, kháng cáo của bà Ng là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất các nội dung sau: Các biên nhận các ngày 15-6-2018, ngày 16-10-2018, ngày 22-10-2018, ngày 30-10-2018, ngày 31-10-2018, ngày 09-11-2018 và ngày 11-6-2019 bà H nộp khi khởi kiện do bà Ng tự viết và ký tên. Tổng số tiền 1.022.000.000 đồng trong các giấy biên nhận do bà H nộp là tiền gốc, không có ghi tiền lãi. Tất cả các lần vay, bà Ng là người trực tiếp nhận tiền từ bà H. Ông R có ký tên vào biên nhận ngày 09-11-2018 nhưng với tư cách là người làm chứng, ông R không thỏa thuận vay hay giao nhận tiền với bà H. Bà H, bà Ng không ai yêu cầu ông R phải trả tiền. Bà H không thỏa thuận cho bà Th2, ông Th1 vay; không giao tiền cho bà Th2, ông Th1; chỉ biết bà Th2, ông Th1 khi bà Ng yêu cầu cho nhận nợ tại nhà bà Ng và bà Th2 viết biên nhận ngày 29-9-2019. Bà Th2, ông Th1 đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền gốc được bà H ký tên tại phần cuối biên nhận ngày 29-9-2019. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo cho rằng bà đã trả tiền cho bà Võ Thị H theo từng lần vay, nghĩa là trả hết lần vay trước mới vay tiếp lần sau và Đ ngày 29/9/2019 chốt lại chỉ còn nợ bà H số tiền 490.000.000 đồng, là khoản tiền vay dùm bà Th2, ông Th1 và bà Th2, ông Th1 chịu trách nhiệm trả cho bà H khoản tiền này cùng tiền lãi 218.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc trình bày của bà Ng

không có tài liệu chứng minh, trong khi đại diện của nguyên đơn không thừa nhận; đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ng.

Từ đó thấy rằng lời kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng là không có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với pháp luật hiện hành nên được chấp nhận để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ng phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh LA.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 228, 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469, 470, 288 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền 100.000.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với tổng số tiền 956.300.182 đồng.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Nguyễn Thị Ng về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền lãi 123.087.817 đồng .

[4] Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 tự nguyện trả tiền cho bà H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Võ Văn B phải trả cho bà Võ Thị H tổng cộng 538.911.141 đồng (năm trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi một đồng) gồm 532.000.000 đồng tiền gốc và 6.911.141 đồng tiền lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 phải liên đới trả cho bà Võ Thị H tổng cộng 417.389.041 đồng (bốn trăm mười

bảy triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) gồm 390.000.000 đồng tiền gốc và 27.389.041 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị H phải chịu 6.154.390 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp 21.330.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005209 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, khấu trừ án phí với tiền tạm ứng án phí, trả lại cho bà H 15.175.610 đồng (mười lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng và ông Võ Văn B phải chịu 25.556.445 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Kiều Th2 và ông Nguyễn Văn Th1 phải liên đới chịu 20.695.561 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008773 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh